



**VF9**

Lựa chọn  
tận hưởng đẳng cấp





Mẫu SUV hạng E  
Bản lĩnh dẫn đầu







\* Hình ảnh xe VF 9 phiên bản PLUS tại thị trường Mỹ. Phiên bản cho thị trường Việt Nam có thể có những khác biệt nhất định





Cảm hứng thiết kế

# Cân bằng động

**VinFast VF 9** là mẫu SUV cỡ lớn hạng sang của VinFast, được chấp bút bởi studio thiết kế xe hơi lâu đời và lừng danh nhất thế giới - Pininfarina. Thiết kế ấn tượng của **VF 9** được lấy cảm hứng từ du thuyền sang trọng mà vẫn giữ nét đặc trưng của VinFast với những đường nét ấn tượng, năng động.





Nóc xe nghiêng dần về phía sau  
như thiết kế tầng nóc của một chiếc

du thuyền hạng sang



Logo hình chữ V nổi bật và  
dải đèn LED nhận diện thương hiệu

bắt mắt

trong bất kỳ điều kiện ánh sáng nào



Hốc gió độc đáo trên ca-pô và cản trước tối ưu

tính khí động lực học





# Mạnh mẽ THU HÚT MỌI ánh nhìn

Khả năng tăng tốc vượt trội  
mang lại trải nghiệm phấn khích  
trên từng cú đạp ga



QUẢNG ĐƯỜNG  
di chuyển tối đa  
sau một lần sạc đầy

**626** km\*  
(Tiêu chuẩn WLTP)



Công suất tối đa

**402** hp



Mô men xoắn cực đại

**620** Nm



Hệ dẫn động

**HAI CẦU**  
toàn thời gian (AWD)

\* Phiên bản Eco pin CATL

\* Hình ảnh xe VF 9 phiên bản PLUS tại thị trường Mỹ. Phiên bản cho thị trường Việt Nam có thể có những khác biệt nhất định





## Sự kết hợp hoàn hảo giữa Thẩm mỹ và trải nghiệm tiện nghi

\* Hình ảnh xe VF 9 phiên bản PLUS tại thị trường Mỹ. Phiên bản cho thị trường Việt Nam có thể có những khác biệt nhất định



08 | VinFast **VF9**







\* Hình ảnh xe VF 9 phiên bản PLUS tại thị trường Mỹ. Phiên bản cho thị trường Việt Nam có thể có những khác biệt nhất định



# Thông minh vượt trội





# Tính năng cập nhật phần mềm từ xa cho **VF9**





# Đạt chuẩn An toàn quốc tế

Nhờ những trang bị an toàn vượt trội và Hệ thống hỗ trợ người lái nâng cao (ADAS) tiên tiến, người cầm lái và hành khách trên xe VF 9 có thể hoàn toàn an tâm tận hưởng mọi hành trình.

## | 11 túi khí

Được thiết kế và trang bị để hướng tới tiêu chuẩn an toàn quốc tế cao nhất







\* Hình ảnh xe VF 9 phiên bản PLUS tại thị trường Mỹ. Phiên bản cho thị trường Việt Nam có thể có những khác biệt nhất định



Thông số kỹ thuật

| Xe                                                                          | VF 9 ECO                            | VF 9 PLUS                           |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| KÍCH THUỐC & TẢI TRỌNG                                                      |                                     |                                     |
| KÍCH THUỐC                                                                  |                                     |                                     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                                                        | 3.150                               | 3.150                               |
| Dài x Rộng x Cao (mm)                                                       | 5.118 x 2.254 x 1.696               | 5.118 x 2.254 x 1.696               |
| Khoảng sáng gầm xe không tải (mm)                                           | 173.7                               | 183.5                               |
| Dung tích khoang chứa hành lý (L) - Có hàng ghế cuối                        | 212                                 | 212                                 |
| Dung tích khoang chứa hành lý (L) - Gập hàng ghế cuối                       | 926                                 | 926                                 |
| Dung tích khoang chứa hành lý (L) - Phía trước                              | 100                                 | 100                                 |
| TẢI TRỌNG                                                                   |                                     |                                     |
| Trọng lượng không tải (kg)                                                  | 2.911                               | 7 chỗ: 2.968   6 chỗ: 2.932         |
| Tải trọng (kg)                                                              | 550                                 | 7 chỗ: 550   6 chỗ: 475             |
| Tải trọng hành lý nóc xe (kg)                                               | 75                                  | 75                                  |
| HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG                                                        |                                     |                                     |
| Động cơ                                                                     |                                     |                                     |
| Động cơ                                                                     | 2 motor 150 kW                      | 2 motor 150 kW                      |
| Công suất tối đa (hp/kW)                                                    | 402/300                             | 402/300                             |
| Mô men xoắn cực đại (Nm)                                                    | 620                                 | 620                                 |
| Tốc độ tối đa (km/h)                                                        | 200                                 | 200                                 |
| PIN                                                                         |                                     |                                     |
| Loại pin                                                                    | CATL                                | CATL                                |
| Dung lượng pin (kWh) - khả dụng                                             | 123                                 | 123                                 |
| Quãng đường chạy một lần sạc đầy (km) - Điều kiện tiêu chuẩn châu Âu (WLTP) | 626                                 | 602                                 |
| Công suất sạc AC tối đa (kW)                                                | 6,6 kW 1 pha, 11 kW 3 pha           | 6,6 kW 1 pha, 11 kW 3 pha           |
| Hệ thống phanh tái sinh                                                     | Có (thấp, cao)                      | Có (thấp, cao)                      |
| Thời gian nạp pin nhanh nhất (phút)                                         | 35 phút (10 - 70%)                  | 35 phút (10 - 70%)                  |
| THÔNG SỐ TRUYỀN ĐỘNG KHÁC                                                   |                                     |                                     |
| Cách chuyển số                                                              | Nút bấm                             | Nút bấm                             |
| Dẫn động                                                                    | AWD/2 cầu toàn thời gian            | AWD/2 cầu toàn thời gian            |
| Chọn chế độ lái                                                             | Eco/Normal/Sport                    | Eco/Normal/Sport                    |
| Chế độ thay đổi tốc độ đến dừng                                             | Có                                  | Có                                  |
| KHUNG GẦM                                                                   |                                     |                                     |
| GIẢM XÓC                                                                    |                                     |                                     |
| Hệ thống treo - trước                                                       | Độc lập, tay đòn kép                | Độc lập, tay đòn kép                |
| Hệ thống treo - sau                                                         | Liên kết đa điểm, giảm chấn khí nén | Liên kết đa điểm, giảm chấn khí nén |
| PHANH                                                                       |                                     |                                     |
| Phanh trước                                                                 | Đĩa thông gió                       | Đĩa thông gió                       |
| Phanh sau                                                                   | Đĩa thông gió                       | Đĩa thông gió                       |
| VÀNH VÀ LỚP BÁNH XE                                                         |                                     |                                     |
| Kích thước La-zăng                                                          | 20 Inch                             | 21 Inch                             |
| Loại la-zăng                                                                | Hợp kim                             | Hợp kim                             |



| Xe                                         | VF 9 ECO                                                        | VF 9 PLUS                                                      |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| NGOẠI THẤT                                 |                                                                 |                                                                |
| ĐÈN PHA                                    |                                                                 |                                                                |
| Đèn pha                                    | LED Matrix                                                      | LED Matrix                                                     |
| Đèn chờ dẫn đường                          | Có                                                              | Có                                                             |
| Đèn pha tự động bật/tắt                    | Có                                                              | Có                                                             |
| Điều khiển góc chiếu pha thông minh        | Có                                                              | Có                                                             |
| Tự động quay góc chiếu đèn (Đèn liếc)      | Có                                                              | Có                                                             |
| ĐÈN NGOẠI THẤT KHÁC                        |                                                                 |                                                                |
| Đèn chiếu sáng ban ngày                    | LED                                                             | LED                                                            |
| Đèn định vị                                | LED, tích hợp cùng đèn chiếu sáng ban ngày                      | LED, tích hợp cùng đèn chiếu sáng ban ngày                     |
| Đèn chào mừng                              | Có                                                              | Có                                                             |
| GƯƠNG                                      |                                                                 |                                                                |
| Gương chiếu hậu: sấy mặt gương             | Có                                                              | Có                                                             |
| Gương chiếu hậu: tự động chỉnh khi lùi     | Có                                                              | Có                                                             |
| Gương chiếu hậu: chống chói tự động        |                                                                 | Có                                                             |
| Gương chiếu hậu: nhớ vị trí                | Có                                                              | Có                                                             |
| CỬA                                        |                                                                 |                                                                |
| Cơ chế lấy mở cửa                          | Nút bấm điện                                                    | Nút bấm điện                                                   |
| Cửa hít                                    | Có                                                              | Có                                                             |
| Kiểu cửa sổ                                | Hàng ghế trước: kính cách âm 2 lớp.<br>Hàng ghế sau: kính 1 lớp | Hàng ghế trước: kính cách âm 2 lớp<br>Hàng ghế sau: kính 1 lớp |
| Kính cửa sổ màu đen (riêng tư)             | Kính đen mờ                                                     | Kính đen mờ                                                    |
| Kính cửa sổ lên/xuống một chạm             | 4 cửa                                                           | 4 cửa                                                          |
| Đèn chiếu sáng khi mở cửa                  | Có (Chiếu hình logo)                                            | Có (Chiếu hình logo)                                           |
| CỐP                                        |                                                                 |                                                                |
| Điều chỉnh cốp sau                         | Chỉnh điện                                                      | Chỉnh điện                                                     |
| Đóng/Mở cốp đá chân                        | Có                                                              | Có                                                             |
| Đèn chiếu logo mặt đường (cảm biến đá cốp) |                                                                 | Có                                                             |
| NỘI THẤT & TIỆN NGHI                       |                                                                 |                                                                |
| GHẾ TOÀN XE                                |                                                                 |                                                                |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                               | 7 hoặc 6                                                       |
| GHẾ LÁI                                    |                                                                 |                                                                |
| Ghế lái - điều chỉnh hướng                 | Chỉnh điện 8 hướng                                              | Chỉnh điện 12 hướng                                            |
| Ghế lái nhớ vị trí                         |                                                                 | Có                                                             |
| Ghế lái có massage                         |                                                                 | Có                                                             |
| Ghế lái có thông gió                       |                                                                 | Có                                                             |
| Ghế lái có sưởi                            | Có                                                              | Có                                                             |
| GHẾ PHỤ                                    |                                                                 |                                                                |
| Ghế phụ - điều chỉnh hướng                 | Chỉnh điện 6 hướng                                              | Chỉnh điện 10 hướng                                            |
| Ghế phụ có massage                         |                                                                 | Có                                                             |

# Thông số kỹ thuật



Thông số kỹ thuật

| Xe                                                        | VF 9 ECO                       | VF 9 PLUS                         |
|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| Ghế phụ có thông gió                                      |                                | Có                                |
| Ghế phụ có sưởi                                           | Có                             | Có                                |
| GHẾ HÀNG 2                                                |                                |                                   |
| Hàng ghế thứ 2 điều chỉnh hướng                           | Chỉnh điện 4 hướng             | Chỉnh điện 8 hướng                |
| Hàng ghế thứ 2 điều chỉnh gập tỷ lệ                       | 40:20:40, hỗ trợ dễ vào hàng 3 | 40:20:40, hỗ trợ dễ vào hàng 3    |
| Hàng ghế thứ 2 có thông gió                               |                                | Có                                |
| Hàng ghế thứ 2 có sưởi                                    |                                | Có                                |
| Hàng ghế thứ 2 có massage                                 |                                | Có                                |
| GHẾ VIP                                                   |                                | Có, lựa chọn từ đầu khi mua xe    |
| Ghế VIP chỉnh điện                                        |                                | 6 chỗ: Chỉnh điện 8 hướng         |
|                                                           |                                | 7 chỗ: Không                      |
|                                                           |                                | 6 chỗ: Có, tích hợp sạc không dây |
| Hộp đồ hàng ghế sau                                       |                                | 7 chỗ: Không                      |
| Ghế VIP massage                                           |                                | Có                                |
| Ghế VIP có thông gió                                      |                                | Có                                |
| Ghế VIP có sưởi                                           |                                | Có                                |
| VÔ LĂNG                                                   |                                |                                   |
| Điều chỉnh vô lăng                                        | Chỉnh cơ 4 hướng               | Chỉnh điện 4 hướng                |
| Sưởi tay lái                                              | Có                             | Có                                |
| Nhớ vị trí vô lăng                                        |                                | Có                                |
| ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ                                        |                                |                                   |
| Hệ thống điều hòa                                         | Tự động, 3 vùng                | Tự động, 3 vùng                   |
| Chức năng kiểm soát chất lượng không khí                  | Có                             | Có                                |
| Chức năng ion hóa không khí                               | Có                             | Có                                |
| Lọc không khí Cabin                                       | Combi 1.0                      | Combi 1.0                         |
| Ống thông gió dưới chân hành khách sau                    | Có                             | Có                                |
| Cửa gió điều hòa hàng ghế thứ 2: trên hộp để đồ trung tâm | Có                             | Có                                |
| Cửa gió điều hòa hàng ghế thứ 2: trên cột B               | Có                             | Có                                |
| MÀN HÌNH, KẾT NỐI, GIẢI TRÍ, TIỆN NGHI                    |                                |                                   |
| Màn hình giải trí cảm ứng                                 | 15,6 Inch                      | 15,6 Inch                         |
| Màn hình giải trí cảm ứng hàng ghế sau                    |                                | 8 Inch                            |
| Màn hình hiển thị HUD                                     | Có                             | Có                                |
| Cổng kết nối USB loại A hàng ghế lái                      | 2                              | 2                                 |
| Cổng kết nối USB loại A hàng ghế thứ 2                    | 2                              | 7 chỗ: 2   6 chỗ: 4               |
| Cổng kết nối USB loại A hàng ghế thứ 3                    | 2                              | 2                                 |
| Cổng kết nối USB loại C                                   | Có                             | Có                                |
| Cổng sạc 12V khoang hành lý                               | Có                             | Có                                |
| Ổ điện xoay chiều                                         |                                | 230 V/150 W                       |
| Sạc không dây                                             | Có                             | Có                                |
| HỆ THỐNG LOA                                              |                                |                                   |



| Xe                                         | VF 9 ECO                     | VF 9 PLUS                          |
|--------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| Hệ thống loa                               | 11                           | 13                                 |
| Loa trầm                                   | 0                            | 1                                  |
| Âm ly                                      |                              | Có                                 |
| HỆ THỐNG ĐÈN NỘI THẤT                      |                              |                                    |
| Đèn trang trí nội thất                     | Có (Đa màu)                  | Có (Đa màu)                        |
| Đèn học để đồ trước                        | Có                           | Có                                 |
| Đèn khoang hành lý                         | Có                           | Có                                 |
| Đèn khoang hành lý trước                   | Có                           | Có                                 |
| Tấm che nắng, có gương                     | Ghế lái và ghế phụ, thêm đèn | Ghế lái và ghế phụ, thêm đèn       |
| Trần kính toàn cảnh                        |                              | OPT                                |
| Rèm trần                                   |                              | AFS (Tuỳ chọn trần kính toàn cảnh) |
| NỘI THẤT & TIỆN NGHI KHÁC                  |                              |                                    |
| Phanh tay                                  | Điện tử                      | Điện tử                            |
| Gương chiếu hậu trong xe                   | Chống chói tự động           | Chống chói tự động                 |
| AN TOÀN & AN NINH                          |                              |                                    |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | Có                           | Có                                 |
| Chức năng phân phối lực phanh điện tử EBD  | Có                           | Có                                 |
| Hỗ trợ phanh khẩn cấp BA                   | Có                           | Có                                 |
| Hệ thống cân bằng điện tử ESC              | Có                           | Có                                 |
| Chức năng kiểm soát lực kéo TCS            | Có                           | Có                                 |
| Hỗ trợ khởi hành ngang dốc HSA             | Có                           | Có                                 |
| Chức năng chống lật ROM                    | Có                           | Có                                 |
| Đèn báo phanh khẩn cấp ESS                 | Có                           | Có                                 |
| Giám sát áp suất lốp                       | dTPMS                        | dTPMS                              |
| HỆ THỐNG TÚI KHÍ                           |                              |                                    |
| Túi khí trước lái và hành khách phía trước | 2                            | 2                                  |
| Túi khí rèm                                | 2                            | 2                                  |
| Túi khí bên hông hàng ghế trước            | 2                            | 2                                  |
| Túi khí bên hông hàng ghế sau              | 2                            | 2                                  |
| Cảnh báo chống trộm                        | Có                           | Có                                 |
| CÁC TÍNH NĂNG ADAS                         |                              |                                    |
| TRỢ LÁI TRÊN CAO TỐC                       |                              |                                    |
| Hỗ trợ di chuyển khi ùn tắc                | Có                           | Có                                 |
| Hỗ trợ lái trên đường cao tốc              | Có                           | Có                                 |
| TRỢ LÀN                                    |                              |                                    |
| Cảnh báo chệch làn                         | Có                           | Có                                 |
| Hỗ trợ giữ làn                             | Có                           | Có                                 |
| Kiểm soát đi giữa làn                      | Có                           | Có                                 |
| GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH THÍCH ỨNG              |                              |                                    |
| Giám sát hành trình thích ứng              | Có                           | Có                                 |



Thông số kỹ thuật

| Xe                                             | VF 9 ECO                 | VF 9 PLUS                |
|------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Điều chỉnh tốc độ thông minh                   | Có                       | Có                       |
| Nhận biết biển báo giao thông                  | Có                       | Có                       |
| CẢNH BÁO VA CHẠM                               |                          |                          |
| Cảnh báo va chạm phía trước                    | Có                       | Có                       |
| Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau        | Có                       | Có                       |
| Cảnh báo điểm mù                               | Có                       | Có                       |
| Cảnh báo mở cửa                                | Có                       | Có                       |
| TRỢ LÁI KHI CÓ NGUY CỐ VA CHẠM                 |                          |                          |
| Phanh tự động khẩn cấp trước                   | Có                       | Có                       |
| Hỗ trợ giữ làn khẩn cấp                        | Có                       | Có                       |
| HỖ TRỢ ĐỖ XE                                   |                          |                          |
| Hỗ trợ đỗ phía trước                           | Có                       | Có                       |
| Hỗ trợ đỗ phía sau                             | Có                       | Có                       |
| Hệ thống camera sau                            | Có                       | Có                       |
| Giám sát xung quanh                            | Có                       | Có                       |
| CÁC TÍNH NĂNG KHÁC                             |                          |                          |
| Đèn pha tự động/Đèn pha thích ứng              | Đèn pha thích ứng        | Đèn pha thích ứng        |
| THIẾT KẾ KIỂU DÁNG NGOẠI THẤT                  |                          |                          |
| Tay nắm cửa                                    | Loại ẩn                  | Loại ẩn                  |
| Bạc lên xuống                                  | AFS                      | Có                       |
| Thanh trượt trên nóc xe                        | AFS                      | AFS                      |
| THIẾT KẾ KIỂU DÁNG NỘI THẤT                    |                          |                          |
| VÔ LĂNG                                        |                          |                          |
| Loại vô lăng                                   | Dạng D-cut               | Dạng D-cut               |
| Bọc vô lăng                                    | Da thân thiện môi trường | Da thân thiện môi trường |
| CÁC TÍNH NĂNG THÔNG MINH                       |                          |                          |
| ĐIỀU KHIỂN XE THÔNG MINH                       |                          |                          |
| Chế độ Người lạ                                | Có                       | Có                       |
| Chế độ Cắm trại                                | Có                       | Có                       |
| Chế độ Rửa xe                                  | Có                       | Có                       |
| THIẾT LẬP, THEO DÕI VÀ GHI NHỚ HỒ SƠ NGƯỜI LÁI |                          |                          |
| Đồng bộ và quản lý tài khoản                   | Có                       | Có                       |
| Cài đặt giới hạn địa lý của xe                 | Có                       | Có                       |
| Cài đặt thời gian hoạt động của xe             | Có                       | Có                       |
| ĐIỀU HƯỚNG - DẪN ĐƯỜNG                         |                          |                          |
| Tìm kiếm địa điểm và dẫn đường                 | Có                       | Có                       |
| Hỗ trợ thiết lập hành trình tối ưu             | Có                       | Có                       |
| Hiển thị tình trạng giao thông thời gian thực  | Có                       | Có                       |
| Hiển thị bản đồ vệ tinh                        | Có                       | Có                       |
| Định vị vị trí xe từ xa                        | Có                       | Có                       |



| Xe                                              | VF 9 ECO                   | VF 9 PLUS                  |
|-------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| AN NINH - AN TOÀN                               |                            |                            |
| Gọi cứu hộ tự động và dịch vụ hỗ trợ trên đường | Có                         | Có                         |
| Giám sát và cảnh báo xâm nhập trái phép         | Có                         | Có                         |
| Chẩn đoán lỗi trên xe tự động                   | Có                         | Có                         |
| Đề xuất lịch bảo trì/bảo dưỡng tự động          | Có                         | Có                         |
| Theo dõi và hiển thị thông tin tình trạng xe    | Có                         | Có                         |
| TIỆN ÍCH GIA ĐÌNH VÀ VĂN PHÒNG                  |                            |                            |
| Hỏi đáp Trợ lý ảo                               | Có                         | Có                         |
| Cá nhân hoá trải nghiệm Trợ lý ảo               | Có                         | Có                         |
| Kết nối Android Auto và Apple CarPlay           | Có                         | Có                         |
| Giải trí âm thanh                               | Có                         | Có                         |
| Đồng bộ lịch và danh bạ điện thoại              | Thông qua kết nối          | Thông qua kết nối          |
|                                                 | Apple Carplay/Android Auto | Apple Carplay/Android Auto |
| Nhận và gửi tin nhắn qua giọng nói              | Thông qua kết nối          | Thông qua kết nối          |
|                                                 | Apple Carplay/Android Auto | Apple Carplay/Android Auto |
| CẬP NHẬT PHẦN MỀM TỪ XA                         |                            |                            |
| Cập nhật phần mềm miễn phí FOTA                 | Có                         | Có                         |
| DỊCH VỤ VỀ XE                                   |                            |                            |
| Đặt dịch vụ hậu mãi và nhận thông báo           | Có                         | Có                         |
| Quản lý gói cước thuê pin trực tuyến            | Có                         | Có                         |
| Quản lý sạc                                     | Có                         | Có                         |
| eSIM đa nhà mạng                                | Có                         | Có                         |
| Giới thiệu tính năng xe                         | Có                         | Có                         |

\* Một số tính năng sẽ chưa có sẵn hoặc chưa được kích hoạt tại thời điểm giao xe cho Khách hàng. Những tính năng này sẽ được cập nhật sau thông qua phương thức cập nhật phần mềm từ xa hoặc qua kết nối không dây hoặc cập nhật tại xưởng dịch vụ VinFast.

Hiệu suất hoạt động của xe và thông tin về quãng đường di chuyển một lần sạc đầy có thể thay đổi, được hiển thị khác nhau, tùy thuộc vào các yếu tố bên ngoài như tốc độ, phong cách lái, số lượng hành khách, tải trọng, điều kiện lốp xe, thời tiết và điều kiện đường sá.

Tại thị trường Việt Nam, theo chính sách bán hàng hiện tại, tất cả các tính năng thông minh trong các gói Dịch vụ thông minh VF Connect được sử dụng miễn phí khi có kết nối mạng. Để sử dụng tính năng thông qua mạng di động, khách hàng cần tự mua dữ liệu di động (Data) từ nhà mạng.

Các thông tin sản phẩm có thể thay đổi mà không cần báo trước.

AFS: Tính năng khách hàng có thể lắp đặt sau bán hàng.  
OTP: Tùy chọn thu phí



# Màu ngoại thất

BRAHMINY  
WHITE



VINFAST  
BLUE



NEPTUNE  
GREY



CRIMSON  
RED



DEEP  
OCEAN



JET  
BLACK



## MÀU NỘI THẤT

ECO



Granite Black

PLUS



Saddle Brown



Granite Black

# CHẤT LƯỢNG ĐẲNG CẤP CAM KẾT ĐỒNG HÀNH TRỌN VẸN

## 01. HỖ TRỢ ĐỔI XE MỚI

VinFast cam kết đồng hành hỗ trợ Khách hàng nâng cấp từ xe VF 9 cũ lên VF 9 mới trong suốt vòng đời xe.

Khách hàng có thể lựa chọn bán lại xe cũ để nâng cấp lên xe mới tại mọi thời điểm khi đăng ký tham gia chương trình từ 01/06/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Nếu đổi từ xe thuê pin lên xe kèm pin, Khách hàng sẽ thanh toán thêm giá pin tại thời điểm đổi xe.

Nếu đổi từ phiên bản thấp lên cao hơn, hoặc chọn thêm các tùy chọn thì Khách hàng thanh toán phần chênh theo giá tại thời điểm đổi.

## 02. CAM KẾT MUA LẠI XE CŨ

Đối với các Khách hàng mua VF 9 kể từ ngày 01/06/2024, VinFast cam kết mua lại xe VF 9 với mức giá 78% sau 24 tháng và 70% sau 36 tháng tính theo giá xuất hóa đơn.

# TRẢI NGHIỆM XỨNG TẦM TINH HOA

## 01. TIẾP CẬN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHANH CHÓNG VÀ THUẬN TIỆN

Miễn phí giao nhận xe tại địa điểm theo yêu cầu của quý khách (trong giờ hành chính, phạm vi 30 km từ xưởng dịch vụ VinFast gần nhất).

Hỗ trợ chi phí sửa chữa cho đại lý, đảm bảo quý khách được phục vụ nhanh chóng và hiệu quả nhất.

## 02. TRẢI NGHIỆM VIP TẠI XUỞNG DỊCH VỤ VINFAST

Được tiếp đón và tư vấn bởi đội ngũ cố vấn dịch vụ, kỹ thuật viên giàu kinh nghiệm và có tay nghề cao nhất.

Quý khách sẽ được ưu tiên sắp xếp lịch bảo dưỡng, sửa chữa theo thời gian và nhu cầu của bản thân. Đồng thời, xe sẽ được tiếp nhận/phục vụ và ưu tiên sửa chữa ngay bởi những kỹ thuật viên xuất sắc nhất, và được kiểm tra chất lượng bởi quản đốc trước khi giao xe.

## 03. DỊCH VỤ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG TẬN TÂM, CHU ĐÁO

Hotline 24/7 với nhân viên CSKH chuyên trách tiếp đón, đảm bảo mọi yêu cầu và phản hồi được giải đáp nhanh chóng, chuyên nghiệp.

## 04. SẠC ĐIỆN MIỄN PHÍ 2 NĂM

Miễn phí 2 năm sạc điện tại hệ thống trạm sạc công cộng VinFast trên toàn quốc tới hết 31/05/2026.



# Đặt khách hàng **Làm trọng tâm**

## Chính sách Bảo hành tốt nhất thị trường

- Bảo hành xe mới **10** năm hoặc **200.000** km (tùy điều kiện nào đến trước)
- Bảo hành pin **10** năm không giới hạn số km

## Dịch vụ Hậu mãi xuất sắc

- Sửa chữa lưu động (Mobile Service) & Cứu hộ **24/7** trong suốt thời gian bảo hành
- Mạng lưới **150.000** cổng sạc phủ rộng **63/63** tỉnh, thành phố

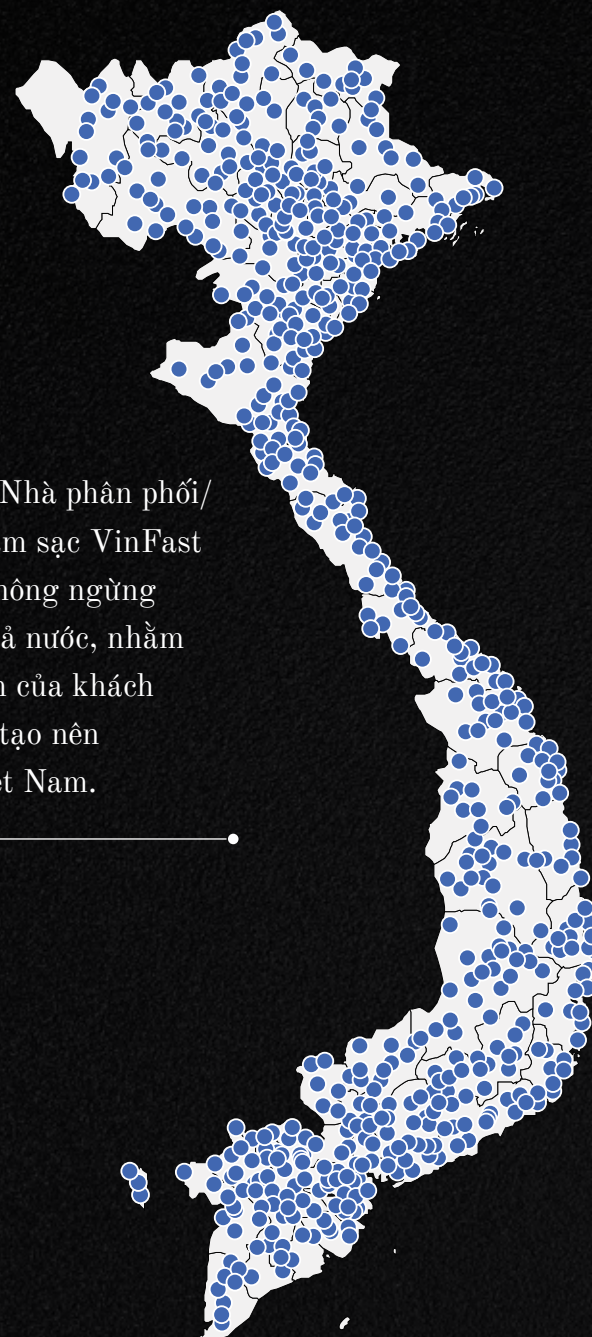
Hệ thống showroom,  
xưởng dịch vụ không  
ngừng được mở rộng.







Hệ thống Showroom/Nhà phân phối/  
Xưởng Dịch vụ và trạm sạc VinFast  
liên tục mở rộng và không ngừng  
phát triển trên khắp cả nước, nhằm  
tối ưu hóa trải nghiệm của khách  
hàng, từng bước kiến tạo nên  
tương lai xanh tại Việt Nam.



QUẦN ĐẢO  
HOÀNG SA

QUẦN ĐẢO  
TRƯỜNG SA





**VINFAST**

Cùng bạn  
bứt phá mọi giới hạn



[vinfastauto.com](https://vinfastauto.com)



1900 23 23 89